

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Bản án số: 724/2021/HNGĐ-ST
Ngày 30 - 11 - 2021
V/v tranh chấp ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thuý Ái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Xuân Hương;

2. Bà Phạm Thị Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Bé - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa: Không.

Trong ngày 30 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 532/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 288/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 299/2021/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Ngô Thúy H, sinh năm: 1987 (Có mặt);

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 14 C, tổ 60, ấp Ph, xã Ph1, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Tạm trú: Số 38/2 Tỉnh lộ 2, tổ 1, ấp X, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng S, sinh năm: 1980 (Có mặt).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 14 C, tổ 60, ấp Ph, xã Ph1, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 19/4/2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là bà Ngô Thúy H trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Hoàng S xây dựng gia đình năm 2017, có tổ chức cưới, hai bên tự nguyện đến với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ph1, huyện C vào ngày 13/4/2017.

Sau khi xây dựng gia đình, vợ chồng bà sống tại nhà riêng của bà ở ấp X, xã T, huyện C. Trong thời gian chung sống, ông S không lo làm ăn mà lao vào cờ bạc, đề đóm, gây ra nợ nần hơn mấy trăm triệu bà phải phụ gánh trả, bà có khuyên nhủ nhưng ông S không nghe, ông S còn kiếm chuyện đập phá đồ đạc trong nhà, phía gia đình chồng lúc đầu có khuyên nhưng sau đó lại quay ra bên vực ông S, khiến bà chịu nhiều oan ức, từ tháng 5/2020 ông S quay về nhà cha mẹ ông S sinh sống, bà và ông S cũng ly thân từ đó.

Bản thân bà thấy tình cảm bà dành cho ông S không còn, không thể hàn gắn nên bà cương quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho bà ly hôn.

Bà và ông S có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Đăng Kh, sinh ngày 27/4/2018. Bà yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Kh, bà không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung bà và ông S không có, cũng không có nợ nần ai.

** Tại bản tự khai ngày 01/11/2021 và trong quá trình chuẩn bị xét xử, bị đơn là ông Nguyễn Hoàng S trình bày:*

Ông và bà Ngô Thúy H xây dựng gia đình năm 2017, có đăng ký kết hôn, hai bên tự nguyện đến với nhau.

Sau khi kết hôn, vợ chồng ông sống tại ấp X, xã T, huyện C, vợ chồng ông đang sống hạnh phúc. Mâu thuẫn xảy ra từ năm 2020, nguyên nhân do bản thân ông ham chơi, ông biết lỗi và nay ông đã có công việc ổn định nên ông muốn đoàn tụ gia đình để lo lắng cho vợ con ông được toàn vẹn.

Vợ chồng ông có 01 con chung đúng như vợ ông trình bày, ông không có ý kiến gì về con. Về tài sản chung và nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 19/4/2021, bà Ngô Thúy H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Củ Chi giải quyết cho bà ly hôn với ông Nguyễn Hoàng S, yêu cầu được nuôi dưỡng 01 con chung, tài sản chung không có, nợ chung không có. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Bị đơn là ông S đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 14 C, tổ 60, ấp Ph, xã Ph1, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi theo Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Ngô Thúy H và ông Nguyễn Hoàng S tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 38 do Ủy ban nhân dân xã Ph1, huyện C cấp ngày 13/4/2017, đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét trình bày của bà H thì sau khi xây dựng gia đình vào năm 2017, hai bên chung sống hạnh phúc tại nhà riêng của bà H tại ấp X, xã T, huyện C, đến năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn do ông S cờ bạc gây ra nợ nần làm bà phải phụ trả, bà đã vì chồng trả nợ cho ông S rất nhiều lần nhưng ông S không thay đổi, còn kiếm chuyện gây gổ, đập phá đồ đạc trong nhà, gia đình chồng cũng bênh vực ông S. Hai bên đã không còn chung sống và ly thân từ tháng 5/2020, bà xác định tình cảm bà dành cho ông S không còn, không thể hàn gắn nên cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn.

Xét trình bày của ông S thì ông nhận thấy bản thân ông có lỗi với bà H, ông cũng đã cố gắng tìm việc làm để lo lắng cho vợ con, ông mong muốn được đoàn tụ, không muốn ly hôn. Tuy nhiên khi Hội đồng xét xử đang xét xử ông lại tự ý bỏ về, điều đó cho thấy ông không có thiện chí muốn hàn gắn với bà H. Hội đồng xét xử xét mâu thuẫn

giữa bà H và ông S đã kéo dài nhiều năm nay, cả hai cũng đã ly thân và không còn chung sống cùng một nơi, do vậy không cần thiết phải xác minh về tình trạng hôn nhân của bà H và ông S tại địa phương theo quy định tại Điều 208 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, ông S mong muốn được đoàn tụ nhưng Hội đồng xét xử xét tình trạng quan hệ vợ chồng giữa vợ chồng ông đã đến mức trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài được, nếu hàn gắn cũng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt, căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

[4] Về con chung:

Bà H và ông S có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Đăng Kh, sinh ngày 27/4/2018, bà H yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con. Xét cháu Kh hiện đang sống cùng bà H, để ổn định tâm sinh lý của con chung, Hội đồng xét xử giao cháu Kh cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con, xét đây là sự tự nguyện của bà H, không trái pháp luật nên ghi nhận sự tự nguyện này. Nếu sau này bà H có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sẽ được Tòa án giải quyết ở một vụ án khác.

[5] Về tài sản chung: Bà H và ông S xác định không có.

[6] Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà H và ông S xác định không có.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm:

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xét buộc bà H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 9, Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là bà Ngô Thúy H về việc cho ly hôn giữa bà Ngô Thúy H và ông Nguyễn Hoàng S.

Kể từ ngày Bản án phát sinh hiệu lực pháp luật, Giấy chứng nhận kết hôn số 38 do Ủy ban nhân dân xã Ph1, huyện C cấp ngày 13/4/2017 cho bà H và ông S không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Bà H và ông S có 01 con chung tên là Nguyễn Hoàng Đăng Kh, sinh ngày 27/4/2018.

Giao cháu Kh cho bà H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà H về việc tạm thời không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi dưỡng con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, yêu cầu của cá nhân, tổ chức theo quy định tại Khoản 5 Điều 84, Khoản 2 Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc trợ cấp cho việc nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về chia tài sản chung: Bà H và ông S xác định không có.

4. Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà H và ông S xác định không có.

5. Về án phí sơ thẩm:

Bà H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2019/0086188 ngày 11/5/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Củ Chi.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

6. Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Ủy ban nhân dân xã Ph1, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

